TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 50/2019/DS.ST
Ngày: 22 - 11 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mười Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Giữ
2. Ông Lê Văn Mỹ

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kim Hồ

- Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Tân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long *(không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa sơ thẩm).*

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 115/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2019, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXX ST- DS ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1953. Địa chỉ: Tổ 08, ấp T Y, xã T T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh L**, sinh năm 1970 (vắng mặt).
Chị **Trương Thị Ánh X**, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 06, ấp T L, xã T T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản khai ngày 07/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày: Vào ngày 29/10/2016, ông cho vợ

chồng chị Trương Thị Ánh X, ông Nguyễn Thanh L vay số tiền 50.000.000đ, lãi suất 4%/tháng (2.000.000đ/tháng) theo Tờ hợp đồng ngày 29/10/2016. Thỏa thuận khi nào cần thu hồi vốn thì ông báo cho vợ chồng anh L biết trước 01 tháng, kể từ ngày 29/10/2016 anh L, chị X đã trả lại được 19 tháng bằng 38.000.000đ, đã trả tiền vốn 10.000.000đ vào ngày 29/5/2018, còn lại 40.000.000đ tiền vốn thì từ ngày 29/5/2018 đến nay vợ chồng anh L, chị X chưa trả tiền lãi, đây là tiền lãi quá hạn trên nợ vốn gốc nên ông yêu cầu vợ chồng chị X trả số tiền vốn 40.000.000đ và tiền lãi bằng 1.000.000đ/tháng, tính thành tiền là bằng 40.000.000đ x 1.000.000đ/tháng x 14 tháng (từ ngày 29/5/2018 đến ngày 29/7/2019) = 14.000.000đ. Sau ngày 29/7/2019, ông không yêu cầu trả lãi, chỉ yêu cầu trả lãi ở giai đoạn thi hành án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông xác định Tờ hợp đồng ngày 29/10/2016 là do ông nhờ người khác viết hộ, chị X, anh L ký tên; tuy thỏa thuận lãi suất 4%/tháng nhưng trong 19 lần anh L, chị X trả lãi thì ông chỉ thu tiền lãi 05 tháng đầu mỗi tháng 2.000.000đ, 14 lần sau thu 1.500.000đ/tháng, tổng cộng bằng 31.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét ông Nguyễn Văn N yêu cầu chị Trương Thị Ánh X, anh Nguyễn Thanh L trả số tiền vay theo Tờ hợp đồng ngày 29/10/2016, chị X anh L có nơi cư trú ở huyện Bình Tân, nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, được quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Xét anh L, chị X đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, mời hòa giải vào các ngày 25/9/2019, ngày 21/10/2019, được triệu tập dự phiên tòa vào các ngày 07/11/2019, ngày 22/11/2019 nhưng vắng mặt không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh L, chị X là đảm bảo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố dụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo kết quả việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, không khai chứng cứ cho anh L, chị X nhưng đến thời điểm xét xử sơ thẩm anh L, chị X chưa có ý kiến phản đối chứng cứ là Tờ hợp đồng

ngày 29/10/2016 do ông N xuất trình nên đây là tình tiết, văn bản mà nguyên đơn không phải chứng minh, được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2.2] Xét số tiền vay 50.000.000đ được xác lập trước ngày 01/01/2017, từ ngày 29/5/2018 mới phát sinh tranh chấp, đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi, các bên thỏa thuận việc trả lãi hàng tháng bằng 2.000.000đ/50.000.000đ, tương đương mức lãi suất 4%/tháng là vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 (Điều khoản 1 Điều 468, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015) nên mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Cụ thể, số tiền lãi mà chị X, anh L phải trả ông N được tính như sau:

[2.2.1] 50.000.000đ x 1,67%/tháng (20%/năm) x 23 tháng (từ 29/6/2016 đến 29/5/2018) = 19.205.000đ.

[2.2.2] Vào ngày 25/9/2018, chị X, anh L đã trả tiền vốn 10.000.000đ, tiền lãi từ 29/5/2018 đến ngày 29/7/2019 là lãi suất trên nợ gốc quá hạn tương ứng mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn theo quy định tại Điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015 (1,67%/tháng, 150% lãi trong hạn tương đương bằng 2.5%/tháng) nên tính thành tiền là bằng 40.000.000đ x 2,5%/tháng x 14 tháng (từ ngày 29/5/2018 đến ngày 29/7/2019) = 14.000.000đ.

[2.2.3] Anh L, chị X phải trả lại cho ông N tổng số tiền là 33.205.000đ (19.205.000đ + 14.000.000đ) được trừ vào số tiền lãi đã trả ông N thừa nhận bằng 31.000.000đ, số tiền lãi trả thừa bằng 2.205.000đ được khấu trừ vào số tiền vốn 40.000.000đ, vì vậy yêu cầu của ông N là có căn cứ được chấp nhận một phần.

[3] Ghi nhận việc ông N tự nguyện không yêu cầu anh L, chị X phải trả lãi từ ngày 30/7/2019 đến khi bản án sơ thẩm có lực pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông N là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được Hội đồng xét miễn án phí; buộc chị X, anh L phải nộp án phí bằng 5% trên số tiền phải trả ông N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 466, 468, 496 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 144, Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm đ khỏa 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

2. Buộc chị Trương Thị Ánh X, anh Nguyễn Thanh L có trách nhiệm hoàn trả ông N số tiền còn nợ bằng là 37.795.000đ *(ba mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trương Thị Ánh X, anh Nguyễn Thanh L phải nộp 1.890.000đ *(một triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng)* tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Mười Hai

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA);
- Các đương sự: 03;
-VKSND huyện Bình Tân;
- CCTHADS huyện Bình Tân;
- Lưu.